

UNIT 5: WHAT DO WE EAT AT DIFFERENT TIME OF THE DAY?

Lesson 13: Vocabulary

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh xác định và kể thêm nhiều loại thực phẩm và đồ uống.

II. Key vocabulary:



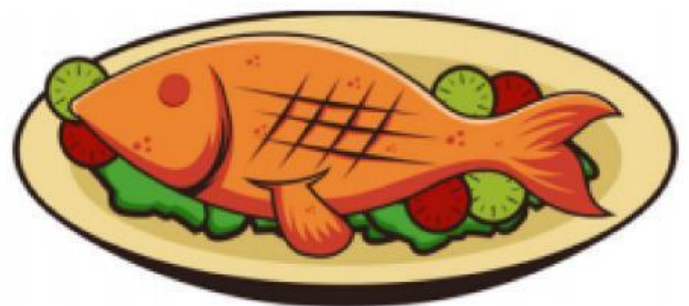
Orange juice
(Nước cam)



Milk
(Sữa)



Cereal
(Ngũ cốc)

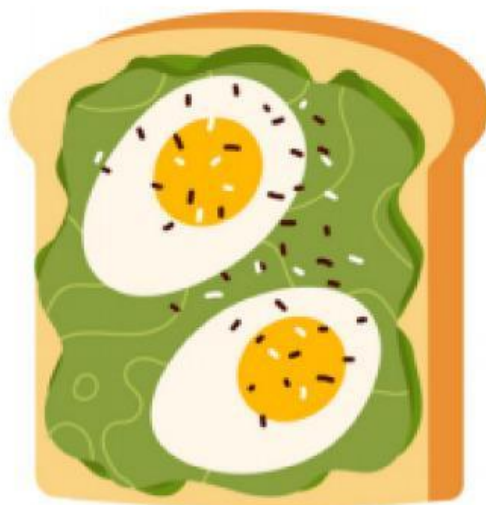


Fish
(Món cá)





Strawberries
(Trái dâu)



Breakfast
(Bữa sáng)



Lunch
(Bữa trưa)



Dinner
(Bữa tối)



III. Key language:



Do you drink milk for breakfast?

(Yes.)

